TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11- NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29/04/2026
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Moong Công Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lô Thanh Tuân

Bà Nguyễn Thị Thu Lê

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lô Quốc Ất - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11-Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Nghệ An tham gia phiên toà***: Ông Đinh Ngọc Quang- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 04 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11-Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 17/2026/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2026/QĐXX-ST ngày 26 tháng 03 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2026/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lô Thị L, sinh năm 1994, CCCD 040194034517 (Có đơn xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: N, xã N, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: anh Vi Văn T. Sinh năm 1998, CCCD 040098016047 (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

Nơi cư trú: Bản N, xã N, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2026 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị Lô Thị L trình bày:

Tình cảm: chị L và anh Vi Văn T tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2019. Chị L và anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Nghệ An (Nay là xã N, tỉnh Nghệ An) vào ngày 12 tháng 02 năm 2019 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung

với nhau. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2024 nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do không tìm hiểu kỹ nên khi về chung sống thì không hợp nhau, thường xuyên cãi vãi và xúc phạm nhau thậm tệ, càng chung sống tính cách càng khác nhau nên vợ chồng xảy ra quá nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên vào năm 2024 vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị L có nguyện vọng ly hôn để ổn định cuộc sống và công việc.

Con chung: chị L và anh T có 01 con chung tên cháu là Vi Tâm N, sinh ngày 13/11/2016 hiện nay cháu sống với anh T. Nếu vợ chồng ly hôn thì chị Lô Thị L cũng có nguyện vọng để nuôi con chung nhưng hiện nay chị đang đi làm ăn xa nên con chung để cho anh Vi Văn T chăm sóc nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu trưởng thành vì từ nhỏ cháu một mình anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần tống đạt giấy triệu tập hợp lệ đối với bị đơn anh Vi Văn T nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt không có lý do.

Kết quả xác minh tại địa phương: anh Vi Văn T và chị Lô Thị L có hộ khẩu thường trú tại bản N, xã N, tỉnh Nghệ An có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, tỉnh Nghệ An vào ngày 12/02/2019 và có 01 con chung tên là Vi Tâm N, sinh ngày 13/11/2016. Hiện nay cháu sống cùng với anh Vi Văn T. Anh T hiện nay đang đi làm ăn xa nhưng thỉnh thoảng khoảng 4 đến 5 tháng anh T mới về thăm nhà.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Vi T1 Nhung con chung của chị Lô Thị L và anh Vi Văn T thì cháu có nguyện vọng sống với anh Vi Văn T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Nghệ An tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn chị Lô Thị L cụ thể như sau: Quan hệ hôn nhân cho chị Lô Thị L được ly hôn với anh Vi Văn T; Con C: Giao cháu Vi Tâm N, sinh ngày 13/02/2016 cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị L; Tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình cho chị Lô Thị L

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng và các lời khai của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. anh Vi Văn T có hộ khẩu thường trú tại bản N, xã N, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Lô Thị L và bị đơn anh Vi Văn T thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân nhân dân khu vực 11- Nghệ An. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai không vì trường hợp bất khả kháng, trở ngại khách quan nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Mặt khác trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn mặc dù bị đơn thỉnh thoảng khoảng 4 đến 5 tháng mới về nhà và có liên lạc với gia đình, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân: chị L và anh T kết hôn với nhau vào năm 2019 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được UBND xã N, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn tại quyển, số 03 ngày 12/02/2019 vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Nội dung:

[3.1] Tình cảm: Chị L và anh T có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, hai người đã không sống chung với nhau một thời gian dài, điều đó phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị L và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Con chung: chị L và anh T có 01 con chung là cháu Vi Tâm N, sinh ngày 13/11/2016 hiện cháu sống cùng với anh T khi ly hôn chị Lô Thị L cũng có nguyện vọng để nuôi nhưng hiện nay chị đang đi làm ăn xa và con chung đang sống ổn định với anh Vi Văn T nên giao con chung cho anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành và đây cũng là nguyện vọng của cháu. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu cần tiếp tục giao cháu cho cho anh Vi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng con chung chị L chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tài sản chung, nợ chung: chị Lô Thị L chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí và quyền kháng cáo: Chị Lô Thị L là người đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ở các xã có điều kiện kinh tế -xã hội đặc biệt khó khăn,có đơn đề nghị miễn, giảm tạm ứng án phí, án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ

thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, và Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lô Thị L.

1. Quan hệ Hôn nhân: Chấp nhận chị Lô Thị L được ly hôn với anh Vi Văn T.

2. Con chung:

- Giao cháu Vi Tâm N, sinh ngày 13/11/2016 cho anh Vi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi; Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị L;

- Chị Lô Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị Lô Thị L và anh Vi Văn T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lô Thị L chưa yêu cầu nên không giải quyết. Các đương sự có quyền yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung sau ly hôn. Khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật

4. Án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình cho chị Lô Thị L

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ tại UBND xã nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An
- VKSND khu vực 11-Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND xã Nga My, tỉnh Nghệ An;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Moong Công Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lô Thanh Tuân **Nguyễn Thị Thu Lê** **Moong Công Hải**